### Use Case "Thuê xe"

### 1. Mã use case

UC001

### 2. Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa hệ thống với khách hàng khi người dùng muốn thuê xe

#### 3. Tác nhân

- 3.1 Người dùng
- 3.2 Hệ thống
- 3.3 API

# 4. Tiền điều kiện

Không

## 5. Luồng sự kiện chính (Thành công)

- 1. Người dùng chọn chức năng thuê xe
- 2. Hệ thống hiển thị giao diện thuê xe trên mà hình điện thoại của người dùng
- 3. Người dùng nhập mã vạch ghi trên xe muốn thuê
- 4. Hệ thống gọi API chuyển mã vạch thành mã xe được lưu trữ thông tin trên hệ thống
- 5. Hệ thống truy vấn thông tin xe được chọn thuê theo mã xe
- 6. Hệ thống hiển thị thông tin xe được chọn thuê và yêu cầu thuê xe trên màn hình điện thoại người dùng
- 7. Người dùng chọn hình thức thanh toán và xác nhận thuê xe đã chọn
- 8. Hệ thống gọi Usecase Thanh toán
- 9. Hệ thống xác nhận tạo và lưu thông tin giao dịch
- 10. Hệ thống hiển thị thông báo thuê xe thành công

# 6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Thuê xe"

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Tại bước 5	Nếu thông tin mã xe không hợp lệ	<ul> <li>Hệ thống thông báo thông tin mã xe không đúng</li> </ul>	Tiếp tục tại bước 3

## 7. Dữ liệu đầu vào

# Bảng 2-Dữ liệu đầu vào của mã vạch

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1	Số mã vạch		Có	Là một chuỗi số	0123456789012
				nguyên	

# 8. Dữ liệu đầu ra

Bảng 3-Dữ liệu đầu ra thông tin chi xe thuê

STT	Trường dữ liệu	Mô tả		Format hiển thị	Ví dụ
1	Mã xe thuê	Mã số của xe được lưu trên hệ thống	•	Chuỗi số và kí tự	XX01234
2	Loại xe thuê	Loại xe thuê (xe đạp đơn, xe đạp đôi, xe điện)	•	String	Xe đạp đơn
3	Giá thuê xe	Giá thuê xe tính theo phút	•	Số nguyên dương	10000 VND /phút
4	Tình trạng xe	Tình trạng của xe về lượng pin còn lại, đã được thuê chưa, phần hỏng hóc,	•	String	Chưa được thuê Pin còn lại: 90% Thời gian đi tối đa: 100 phút
5	Biển số xe	Biển số của xe (đối với xe có biển số)	•	Chuỗi số và kí tự	75A-01234

# 9. Hậu điều kiện

Không